

Hệ thống giáo dục

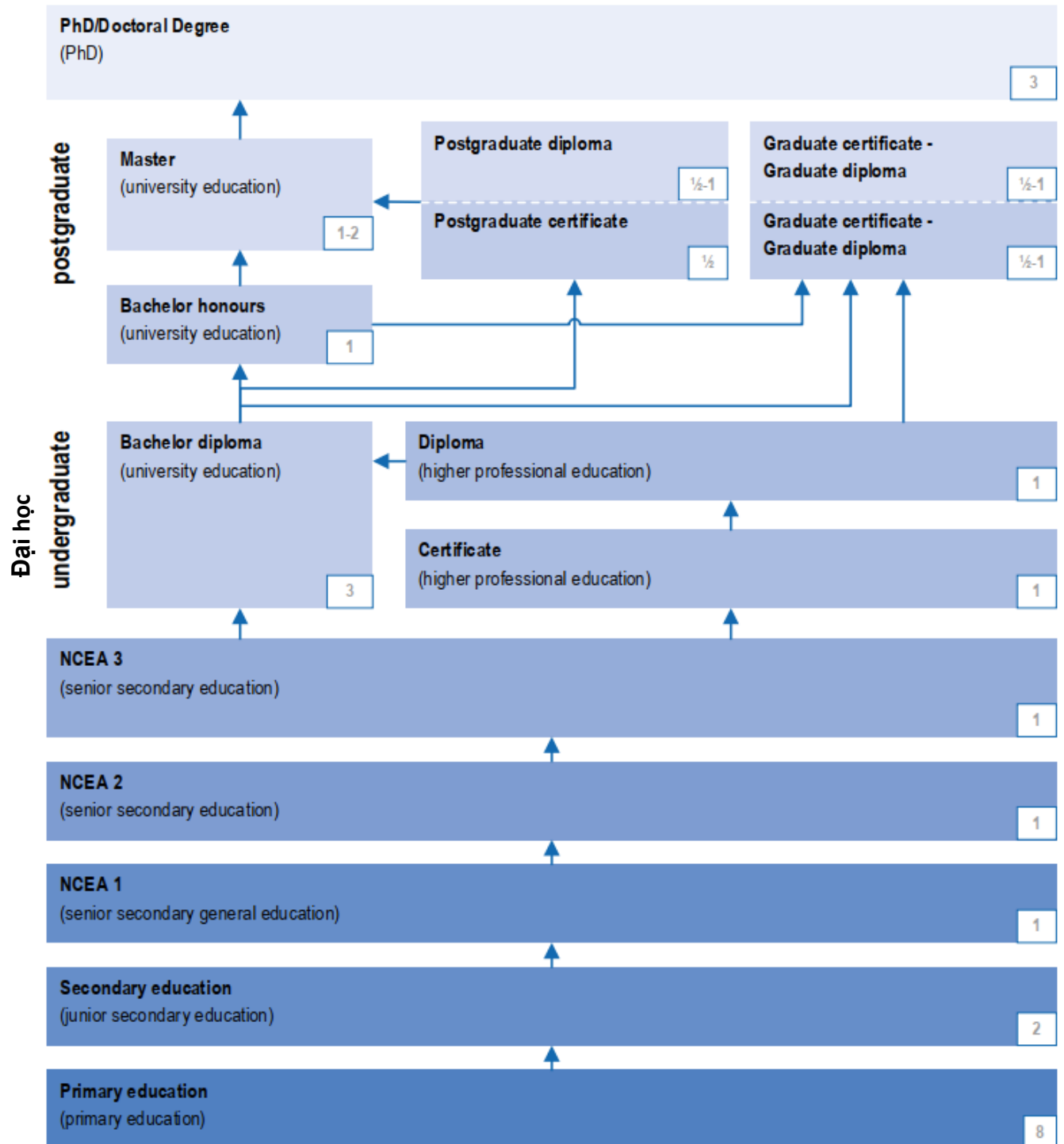
New Zealand

Miêu tả và so sánh với hệ thống giáo dục Hà Lan



Ấn phẩm này phải tuân theo Giấy phép Ghi nhận bản quyền phi thương mại 3.0- Creative Commons Attribution Non- Commercial 3.0 Unported (CC BY-NC 3.0). Để biết thêm thông tin về việc tái sử dụng ấn phẩm này xin hãy truy cập website.
<https://www.nuffic.nl/en/home/copyright>.

▪ **Hệ thống giáo dục New Zealand**



▪ Bảng đánh giá

Trong bảng dưới đây, cột bên trái liệt kê các văn bằng nước ngoài phổ biến có thể sử dụng để xét tuyển vào giáo dục địa học. Cột bên phải liệt kê các cấp độ tương ứng theo khung trình độ châu Âu và Hà Lan.

Degree or qualification and NZQF level		Dutch equivalent and NLQF level		EQF level
NCEA Level 2	2	HAVO diploma or MBO diploma (qualification level 2-4)	4 or 2-4	4 or 2-4
NCEA Level 3 (with sufficient credits from general level 3 subjects)	3	VWO diploma	4+	4
Bachelor's degree	7	HBO or WO bachelor's degree	6	6
Bachelor Honours Degree	8	WO or HBO bachelor's degree	6	6
Master's degree	9	HBO or WO master's degree	7	7

▪ Giới thiệu

New Zealand là quốc gia theo chế độ quân chủ lập hiến với nền dân chủ nghị viện và dân số khoảng 4,4 triệu người.

New Zealand là thành viên của Khối thịnh vượng chung và sử dụng ba ngôn ngữ chính thức: tiếng Anh, Māori (ngôn ngữ của thổ dân *tangata whenua*) và ngôn ngữ kí hiệu New Zealand.

Bộ Giáo dục chịu trách nhiệm về các chính sách giáo dục, chỉ định tài trợ cho từng cơ sở giáo dục, thu thập xử lý dữ liệu và thông tin liên quan giáo dục cũng như giám sát độ hiệu quả của hệ thống giáo dục.

Giáo dục là bắt buộc đối với trẻ em trong độ tuổi từ 6 đến 16, tuy nhiên đa số học sinh đã bắt đầu đi học từ 5 tuổi. Ngôn ngữ chính thức dùng trong học tập và giảng dạy là tiếng Anh, tuy nhiên ngôn ngữ Māori (Te Reo Māori) cũng được sử dụng. Học sinh từ 5 đến 19 tuổi được hưởng nền giáo dục miễn phí.

Đối với giáo dục tiểu học và giáo dục phổ thông, năm học bắt đầu từ đầu tháng hai đến giữa tháng mười hai và được chia thành bốn kỳ. Đối với giáo dục đại học, năm học kéo dài từ tháng hai đến tháng mười một và được chia thành 2 học kỳ. Ngoài ra, học kỳ hè đang trở nên ngày càng phổ biến.

▪ Giáo dục tiểu học và trung học

Giáo dục tiểu học ở New Zealand dành cho trẻ từ 5 tuổi trở lên; tuy nhiên giáo dục là bắt buộc đối với trẻ từ 6 đến 16 tuổi. Chương trình học chung bắt đầu từ lớp 1 đến lớp 10, trong đó giáo dục tiểu học kéo dài từ lớp 1 đến lớp 8 và giáo dục trung học từ lớp 9 đến lớp 10 (trung học cơ sở). Từ lớp 11 đến lớp 13 thuộc trung học phổ thông. Học sinh lớp 7 và 8 cũng có thể theo học trường trung cấp.

Lớp 11, 12, 13 không nằm trong chương trình học bắt buộc nhưng giai đoạn này lại rất quan trọng để xét tuyển vào đại học. Từ năm 2002 đến năm 2004, Chứng chỉ Giáo dục Quốc gia (NCEA) được xem như là bằng trung học phổ thông quốc gia. Chứng chỉ này được chia thành 3 cấp độ khác nhau: cấp độ 1 cho học sinh lớp 11, cấp độ 2 cho học sinh lớp 12 và cấp độ 3 cho học sinh lớp 13.

NCEA đã thay thế toàn bộ văn bằng trung học phổ thông từng được sử dụng để xét tuyển vào giáo dục đại học ở các trình độ khác nhau. Năm 2002, NCEA cấp độ 1 thay thế Chứng chỉ Học tập; NCEA cấp độ 2 được thực thi vào năm 2003 và thay thế Chứng chỉ Mẫu số 6 (chứng chỉ này vẫn được ban hành trong giai đoạn chuyển tiếp cho đến năm 2004). NCEA cấp độ 3 và Học bổng New Zealand thay thế Giấy xét tuyển vào Đại học và Học bổng (*University Entrance, Bursaries and Scholarships*).

Để có được NCEA, học sinh phải tích lũy đủ số tín chỉ tối thiểu với từng cấp độ. Những tín chỉ này thể hiện các tiêu chuẩn về kiến thức, kỹ năng của mỗi môn học, và các tiêu chuẩn này cũng tương ứng với độ khó. Có 2 loại tiêu chuẩn: các tiêu chuẩn đơn vị và các tiêu chuẩn thành tích. Tiêu chuẩn thành tích được thể hiện theo các xếp loại: Đạt (A), Đạt hạng ưu (M), Đạt xuất sắc (E) hoặc Không đạt (N). Các tiêu chuẩn đơn vị được thể hiện thông qua “Đạt”(A) hoặc “Không đạt”(N).

Các tiêu chuẩn được đánh giá theo cấp độ 1, 2 và 3 trong suốt/hoặc cuối mỗi kì, ở cả trong và ngoài trường học. Đa số học sinh bắt đầu cấp độ 1 vào năm lớp 11; tuy nhiên học sinh cũng có thể học các môn học ở cấp độ 1, 2, 3 hoặc cao hơn tùy từng trường. Các trường sẽ tự quyết định các môn được học ở từng cấp độ.

Chứng chỉ NCEA cấp độ 1 yêu cầu đạt 80 tín chỉ cấp độ 1 hoặc hơn, trong đó phải có 8 môn Khoa học xã hội và 8 môn Khoa học tự nhiên.

Chứng chỉ NCEA cấp độ 2 yêu cầu đạt 60 tín chỉ cấp độ 2 hoặc hơn và 20 tín chỉ ở bất kỳ cấp độ nào.

Chứng chỉ NCEA cấp độ 3 yêu cầu đạt 80 tín chỉ; 60 tín chỉ cấp độ 3 hoặc hơn và 20 tín chỉ cấp độ 2 hoặc hơn.

Chứng chỉ NCEA được sử dụng như là tiêu chí đầu vào đại học ở New Zealand.

▪ Nhập học đại học

Có rất nhiều cách đáp ứng tiêu chuẩn đầu vào đại học như: thông qua tiêu chuẩn đầu vào chung (hay còn được gọi là Tuyển sinh Đại học hay UE), tuyển sinh tùy chọn, nhập học đặc biệt hoặc *Ad Eundem Statum* ('với trình độ tương đương', AES).

Theo tiêu chuẩn đầu vào chung, thí sinh phải có chứng chỉ tốt nghiệp trung học được công nhận: bên cạnh chứng chỉ NCEA của New Zealand (yêu cầu 42 tín chỉ cấp độ 3 trở lên và một số điều kiện tiên quyết theo cấp độ / môn học) và Chứng chỉ New Zealand Bursary A hoặc B cũ (ban hành đến năm 2003) thì chứng chỉ tham gia Kỳ thi Quốc tế Cambridge (CIE với một số môn học nhất định) và bằng tú tài quốc tế cũng được tính.

Tuyển sinh tùy chọn dành cho các thí sinh từ New Zealand dưới 20 tuổi, đang học Lớp 12 và đạt kết quả học tập tốt, bao gồm cấp NCEA 2.

Tuyển sinh đặc biệt dành cho các thí sinh trên 20 tuổi và không có các văn bằng học tập cần thiết.

Sinh viên *Ad Eundem Statum* có thể xét tuyển dựa trên một chứng chỉ nước ngoài được coi là tương đương với NCEA, CIE và IB.

Sau đây là các yêu cầu xét tuyển vào đại học:

- Các môn học đáp ứng đủ 42 tín chỉ **cấp độ 3 trở lên**, bao gồm:
 - 14 tín chỉ từ một môn học được công nhận.
 - 14 tín chỉ từ một môn học được công nhận khác.
 - 14 tín chỉ từ 1 – 2 lĩnh vực khác hoặc các môn học được công nhận.
- Yêu cầu Ngôn ngữ - 8 tín chỉ tiếng Anh hoặc tiếng Te Reo Māori cấp độ 2 trở lên, bao gồm:

- 4 tín chỉ bộ môn đọc
- 4 tín chỉ bộ môn viết
- Yêu cầu số học - 14 tín chỉ Số học **cấp độ 1 trở lên**, bao gồm:
 - 14 tín chỉ môn Toán, hoặc Xác suất Thống kê

Việc đáp ứng đủ các yêu cầu trên sẽ được ghi nhận trong Bảng thành tích. Một danh sách các môn học được công nhận có thể được tìm thấy trên trang web của NCEA.

Hầu hết các trường đại học cung cấp năm học đại cương cho sinh viên không đạt đủ các yêu cầu đầu vào chương trình cử nhân. Điều kiện đầu vào thường bao gồm hoàn thành đủ 11 năm học phổ thông và đạt một mức điểm IELTS hoặc TOEFL nhất định. Các chương trình đại cương kéo dài từ 20 đến 52 tuần (tùy thuộc vào kiến thức hổng của sinh viên) và bao gồm tiếng Anh (bắt buộc) cùng 3 môn học khác trong đó có các môn khoa học tự nhiên, kế toán, kinh tế học và âm nhạc. Để đủ điều kiện nhập học chương trình cử nhân, sinh viên phải đáp ứng yêu cầu về điểm trung bình GPA, các môn học cần có và yêu cầu về tiếng Anh cũng như đủ 17 tuổi trở lên.

Yêu cầu đầu vào đối với các trường không phải đại học rất đa dạng và thường sẽ thay đổi tùy chương trình. Các chương trình cấp bằng thường áp dụng các yêu cầu giống với điều kiện xét tuyển.

■ Giáo dục đại học

Ở New Zealand, giáo dục đại học được giảng dạy tại nhiều loại hình tổ chức giáo dục đại học (TEOs) khác nhau:

- Các cơ sở giáo dục đại học công (TEIs) bao gồm các trường đại học, các Học viện Công nghệ và Kỹ thuật (ITPs), các Tổ chức Đào tạo Công nghiệp (ITOs) và kể từ 1990 có thêm 3 *Wānanga* (trung tâm học thuật Māori)
- Các cơ sở đào tạo tư nhân (PTEs)
- Các cơ sở đào tạo Chính phủ (GTEs)

Trường đại học

Ở New Zealand có 8 trường đại học cung cấp đa dạng các khóa học thuộc giáo dục đại học:

- Trường Đại học Công nghệ Auckland
- Trường Đại học Lincoln
- Trường Đại học Massey
- Trường Đại học Auckland
- Trường Đại học Waikato
- Trường Đại học Canterbury
- Trường Đại học Otago
- Trường Đại học Victoria Wellington

Lợi ích của các trường đại học được đại diện bởi Các trường Đại học New Zealand, tiền thân là Ủy ban Phó thủ tướng New Zealand. Tổ chức này chịu trách nhiệm giám sát chất lượng của các chương trình đại học, quản lý học bổng và đại diện các trường đại học công trong nước và nước ngoài.

Học viện Công nghệ và Bách khoa

Có 20 Học viện Công nghệ và Bách khoa (ITPs) giảng dạy giáo dục kỹ thuật chuyên nghiệp ứng dụng. Chương trình học được cung cấp bởi các trường này trải dài từ chương trình đại cương, chương trình cấp bằng và chương trình sau đại học, nhưng chủ yếu vẫn tập trung vào các chương trình cấp văn bằng. Các chương trình thực hành có thể học dưới hình thức bán thời gian, học buổi tối hoặc đào tạo từ xa. Các chương trình cấp bằng ở ITPs tương đương với văn bằng đại học.

Học viện Công nghệ và Bách khoa New Zealand (NZ ITP) đại diện cho lợi ích tập thể của các ITPs.

Thông tin tổng quát về tất cả các Học viện Công nghệ và Bách khoa được đăng tải tại trang web của Cơ quan Quản lý Văn bằng New Zealand (NZQA).

Wānanga – Trung tâm học thuật Māori

Có hơn 100 trung tâm đã đăng ký dưới dạng cơ sở cung cấp Māori, bao gồm 3 trung tâm học thuật Māori (*wānanga*): *Te Wānanga o Aotearoa*, *Te Wānanga o Raukawa* và *Te Whare Wānanga o Awanuiārangi*. Các cơ sở này cung cấp chương trình đào tạo tập trung vào giáo dục văn hóa và truyền thống Māori, bao gồm các chương trình giáo dục đại học đa cấp độ. *Aotearoa Māori – Cơ sở cung cấp Đào tạo Giáo dục và Việc làm đại*

diện cho lợi ích của Wānanga.

Các cơ sở đào tạo tư nhân

Có gần 1000 cơ sở đào tạo giáo dục tư nhân (PTEs) ở New Zealand. Nhiều công ty và cơ sở đào tạo của chính phủ đăng ký các tổ chức đào tạo cán bộ là cơ sở đào tạo. Ví dụ như Trung tâm Đào tạo Airways, Học viện Ashton Warner Nanny và Hội Chữ thập Đỏ New Zealand. Các cơ sở này cũng bao gồm các trường dạy tiếng Anh cho sinh viên quốc tế và không được trợ cấp từ chính phủ.

Một cơ sở đào tạo tư nhân phải đăng kí với NZQA cũng như nộp đơn xin phê duyệt và công nhận cho các chương trình mà trường đó dự định tiến hành giảng dạy để đủ điều kiện nhận tài trợ chính phủ (thông thường là từ Ủy ban Giáo dục Đại học) và để sinh viên đủ điều kiện nhận trợ cấp hoặc các khoản vay.

Các Cơ sở Giáo dục Độc lập (ITI) đại diện cho quyền lợi của 16 cơ sở tư nhân độc lập (PTEs) trong khi hơn 200 cơ sở còn lại do Hiệp hội Cung cấp Dịch vụ Giáo dục Tư nhân New Zealand (NZAPEP) đại diện. Hiệp hội các Trung tâm tiếng Anh tư nhân đại diện cho hơn 50 cơ sở cung cấp các chương trình đào tạo tiếng Anh.

Tổng quan về tất cả các PTEs và chương trình được giảng dạy tại các cơ sở này có thể được tìm thấy trên trang web của Cơ quan Quản lý Văn bằng New Zealand (NZQA).

Các cơ sở đào tạo của chính phủ

Các cơ sở đào tạo của chính phủ (GTEs) là các tổ chức nhà nước chuyên giáo dục và đào tạo cho công chức. 8 cơ sở GTEs thường trực thuộc một trong các Bộ bao gồm Quân đội, Trẻ em và Gia đình, Dịch vụ Đào tạo Cảnh sát New Zealand, Đào tạo Hải quân - HMNZS Philomel, Dịch vụ Cứu hỏa New Zealand, Đào tạo Quốc gia, Nhóm Đào tạo RNZAF và Dịch vụ Nhà tù GTE

Tổng quan về các cơ sở đào tạo chính phủ được đăng tải trên trang web của Cơ quan Quản lý văn bằng New Zealand (NZQA).

Các tổ chức đào tạo công nghiệp (ITOs)

Có khoảng 40 tổ chức đào tạo công nghiệp (ITOs) cung cấp các khóa đào tạo thực hành cho nhân viên thực tập của các công ty ở nhiều lĩnh vực công nghiệp như nông

ng nghiệp, trồng trọt, kỹ sư điện, công nghiệp dệt may, dịch vụ tang lễ và dược.

Tổng quan về các tổ chức đào tạo công nghiệp được đăng tải trên trang web của Ủy ban Giáo dục đại học New Zealand (TEC).

▪ Giáo dục đại học

Ngoài các chương trình học thuật và nghiên cứu, các trường đại học cũng cung cấp các chương trình tập trung chuyên sâu vào bậc chứng chỉ, văn bằng, cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ cũng như bậc chứng chỉ/văn bằng đại học/cao học.

Bằng cử nhân

Thời gian đào tạo của chương trình cử nhân thông thường là 3 năm với 360 tín chỉ từ bậc 5 đến 7, trong đó ít nhất 72 tín chỉ bậc 7. Danh hiệu cử nhân được trao thường có liên quan trực tiếp đến tên chương trình theo học, ví dụ như là Cử nhân Kế toán, Cử nhân Kinh doanh học hay Cử nhân Công tác Xã hội.

Sinh viên cũng có thể đăng ký học chương trình ‘song bằng’, tức là học hai chương trình cử nhân có nhiều môn chung trong vòng 4 năm và được trao 2 văn bằng, ví dụ: song bằng Cử nhân Khoa học Xã hội và Cử nhân Kinh tế học.

Bằng cử nhân Danh dự

Chương trình Cử nhân Danh dự thường kéo dài 4 năm với tổng 480 tín chỉ hoặc 3 năm chương trình cử nhân và học thêm 1 năm với 120 tín chỉ riêng khác. Để nhận được văn bằng này, sinh viên phải đạt tối thiểu 120 tín chỉ cấp độ 8 với một bài nghiên cứu chiếm 30 tín chỉ cũng cấp độ. Chương trình danh dự bao gồm các nghiên cứu chuyên sâu hơn về chuyên ngành.

Năm học danh dự chủ yếu cung cấp thêm kiến thức về các kỹ thuật nghiên cứu cần thiết cho sinh viên học lên chương trình thạc sĩ. Phần mô tả danh dự cho bằng cử nhân được chia thành các mức độ sau: hạng danh dự xuất sắc; hạng danh dự giỏi; hạng giỏi hoặc khá; và hạng danh dự trung bình. Chương trình Danh dự thuộc giáo dục cao học.

Để theo học chương trình Danh dự, sinh viên cần phải có bằng cử nhân liên quan với điểm GPA đạt yêu cầu. Để được cấp bằng Danh dự, sinh viên phải hoàn thành toàn bộ chương trình trong vòng 1 năm với chương trình toàn thời gian hoặc 3 năm với

chương trình bán thời gian.

Lưu ý: Các chương trình cử nhân kéo dài 3 năm thường không bao gồm học phần nghiên cứu.

Văn bằng Thạc sĩ

Văn bằng Thạc sĩ được trao sau khi hoàn thành 2 năm cao học và/hoặc chương trình nghiên cứu (240 tín chỉ, trong đó ít nhất 40 tín chỉ bậc 9 và các tín chỉ còn lại phải từ bậc 8 trở lên); điều kiện xét tuyển là hoàn thành chương trình cử nhân kéo dài 3 năm. Điều kiện xét tuyển của các chương trình thạc sĩ có ít hơn 240 tín chỉ tương là một Bằng Cử nhân Danh dự, hoặc một Bằng Cử nhân với kinh nghiệm làm việc liên quan.

Có rất nhiều loại hình chương trình thạc sĩ tại New Zealand:

Loại hình	Điều kiện xét tuyển	Số tín chỉ	Nội dung học
Thạc sĩ Nghiên cứu	Cử nhân Danh dự hoặc Văn bằng Cao học	120	Chỉ nghiên cứu và viết luận án
Thạc sĩ Đào tạo và Nghiên cứu	Bằng Cử nhân tương đương	240	Học theo tín chỉ (tối đa 150 tín chỉ) và nghiên cứu cộng với một luận án (90 tín chỉ).
Thạc sĩ Đào tạo	Bằng Cử nhân và/hoặc kinh nghiệm làm việc liên quan	120 - 240	Học theo tín chỉ, dự án, nghiên cứu, thạc sĩ chuyên nghiệp (thạc sĩ chuyển đổi)

Cơ quan Quản lý Văn Bằng New Zealand (NZQA) đã đưa ra đề xuất cho phép rút ngắn các chương trình thạc sĩ và thay đổi thời gian đào tạo từ hai năm (240 tín chỉ) sang một năm rưỡi (180 tín chỉ), tiếp nối chương trình cử nhân 180 tín chỉ. Sự thay đổi này nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế của New Zealand và cung cấp nhiều chương trình Thạc sĩ Đào tạo hơn.

Tiến sĩ

Tất cả các trường đại học ở New Zealand đều có các chương trình cho tới và bao gồm bậc tiến sĩ (NZQF cấp độ 10). Để đạt đủ yêu cầu đầu vào, các ứng viên cần đạt bằng cử nhân Danh dự (tối thiểu đạt hạng Giỏi) hoặc đã có một bằng Thạc sĩ Nghiên cứu đạt

hạng cao ở một lĩnh vực liên quan. Chương trình bậc tiến sĩ kéo dài trung bình từ 3 đến 4 năm học tập và nghiên cứu, thường bao gồm 360 tín chỉ bậc 10. Các học phần đào tạo không kéo dài quá 1 năm và phải hỗ trợ công tác viết luận án.

▪ **Giáo dục Cao đẳng Nghề**

Chứng chỉ

Bậc giáo dục đại học cung cấp nhiều loại chương trình chứng chỉ khác nhau từ cấp độ 1 đến cấp độ 7. Một vài chương trình trong số đó dành cho sinh viên không đủ điều kiện đầu vào đại học (Chứng chỉ Giáo dục Đại cương, Chứng chỉ Dự bị Đại học); các chương trình còn lại, bản chất là giáo dục nghề nghiệp và thường kéo dài trong vòng 1 năm, miễn một vài môn học nhất định (200-level) trong chương trình cử nhân hoặc văn bằng.

Văn bằng

Đây là các chương trình văn bằng giáo dục đại học kéo dài 1 năm (500-level) mà sinh viên không nhất thiết đáp ứng đủ các yêu cầu đầu vào đại học chung; tuy nhiên cũng có các chương trình dành cho sinh viên đáp ứng đủ các điều kiện. Các chương trình này có bản chất là giáo dục chuyên nghiệp và cung cấp miễn trừ cho sinh viên theo học chương trình cử nhân có liên quan.

Chứng chỉ tốt nghiệp

Các chương trình này (200-level và 300-level) kéo dài 1 học kỳ (60 tín chỉ, trong đó ít nhất 40 tín chỉ đạt bậc 7 trở lên) và yêu cầu đầu vào có bằng cử nhân (chuyên ngành có thể không liên quan).

Văn bằng tốt nghiệp

Các chương trình này (200-level và 300-level) kéo dài 1 năm (120 tín chỉ, trong đó ít nhất 72 tín chỉ bậc 7 trở lên) và yêu cầu đầu vào có bằng cử nhân (chuyên ngành có thể không liên quan).

Chứng chỉ Cao học

Các loại chương trình này là nửa đầu của một chương trình văn bằng cao học và kéo dài nửa năm (60 tín chỉ bậc 8). Các môn học (600-level) được chọn lọc từ chương trình cử nhân danh dự liên quan, chương trình thạc sĩ hoặc chương trình văn bằng cao

học (700-level). Các chương trình này có bản chất học thuật và có thể cung cấp miễn trừ cho các chương trình thạc sĩ.

Văn bằng cao học

Các chương trình này kéo dài 1 năm (120 tín chỉ, trong đó ít nhất 72 tín chỉ bậc 8) và yêu cầu đầu vào cần văn bằng cử nhân liên quan. Các môn học (700-level) được chọn lọc từ chương trình thạc sĩ và có thể cung cấp miễn trừ nếu sinh viên quyết định tiến hành nghiên cứu sâu hơn trong chương trình thạc sĩ. Các chương trình này có tính học thuật hơn các chương trình văn bằng đại học và thường bao gồm một bài thi cuối khóa.

▪ Hệ thống đánh giá

New Zealand không có bất kì hệ thống đánh giá quy chuẩn nào; các trường đại học sử dụng hệ thống đánh giá bằng chữ. Thông tin về hệ thống được sử dụng thường được ghi trên bảng điểm. Xem ví dụ sau:

Một năm học bao gồm 120 tín chỉ, mỗi tín chỉ tương đương 10 giờ học (trên lớp và tự học).

Letter grade	Description
A+	High First
A	Clear First
A-	Bare First
B+	High second
B	Clear second
B-	Bare second
C+	Sound pass
C	Pass
C-	Marginal pass
D+	Marginal fail
D	Clear fail
D-	Poor fail

▪ Khung trình độ

Kể từ năm 1991, New Zealand đã có khung trình độ quy chuẩn cho tất cả trình độ giáo dục, được gọi là Khung Trình độ Quốc gia (NQF). Ban đầu, khung trình độ có 8 bậc và đã tăng lên 10 kể từ năm 2011:

- Chứng chỉ (bậc 1)
- Chứng chỉ (bậc 2)
- Chứng chỉ (bậc 3)
- Chứng chỉ (bậc 4)
- Chứng chỉ (bậc 5), Văn bằng (bậc 5)
- Chứng chỉ (bậc 6), Văn bằng (bậc 6)
- Chứng chỉ (bậc 7), Văn bằng (bậc 7), Cử nhân, Chứng chỉ tốt nghiệp, Văn bằng tốt nghiệp
- Cử nhân Danh giá, Chứng chỉ sau đại học, Văn bằng sau đại học
- Thạc sĩ
- Văn bằng tiến sĩ

Điều kiện tốt nghiệp của mỗi chương trình thể hiện số tín chỉ tối thiểu cần đạt ở mỗi bậc.

Từ tháng 7/2010, Khung trình độ New Zealand đã được kết hợp với Khung trình độ Quốc gia và Đăng kí trình độ bảo đảm chất lượng (hay còn gọi là KiwiQuals) và hình thành Khung trình độ Quốc gia New Zealand (NZQF).

Level descriptors and qualification types on the NZQF

LEVEL	NAMING SEQUENCE
10	Doctoral Degree
9	Master's Degrees
8	Postgraduate Diplomas and Certificates, Bachelor Honours Degree
7	Bachelor's Degrees, Graduate Diplomas and Certificates
6	Diplomas
5	
4	
3	Certificates
2	
1	

Nguồn: Khung trình độ Quốc gia New Zealand (NZQF)

▪ Kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục

Ở New Zealand, có 2 cơ quan chính chịu trách nhiệm kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục.

Đối với các trường đại học, Các trường Đại học New Zealand (tiền thân là Ủy ban Phó Thủ tướng New Zealand (NZVCC)) chịu trách nhiệm về thủ tục kiểm định của các cơ sở giáo dục và công nhận các chương trình văn bằng (bao gồm cả những thay đổi của chương trình cũ). Cuốn cẩm nang “Ủy ban về Chương trình Học tập Đại học: Chức năng và Thủ tục” của tổ chức này đã bao gồm định nghĩa về các loại văn bằng trong hệ thống giáo dục.

Đơn vị Kiểm định của NZVCC thực hiện kiểm định chất lượng cho các trường đại học và duy trì liên lạc với tất cả các tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học ở trong nước và nước ngoài.

Cơ quan Quản lý Văn bằng New Zealand (NZQA) chịu trách nhiệm kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng tất cả các cơ sở giáo dục còn lại, bao gồm các trường trung học. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Cơ quan cũng chịu trách nhiệm đảm bảo chất lượng giáo dục tại các Học viện Công nghệ và Kỹ thuật (trước đây thuộc trách nhiệm của Chất lượng ITP). Công việc chủ yếu là công nhận các chương trình và cung cấp chứng nhận cho các cơ sở.

Tất cả các trường đầu tiên phải đăng ký với NZQA trước khi có thể được công nhận. Các cơ sở đào tạo tư nhân (PTEs) không cần phải đăng ký để mở các khóa học (các khóa tự xây dựng). Tuy nhiên, việc đăng ký và được công nhận có rất nhiều lợi ích, chẳng hạn như được phép tuyển sinh quốc tế, được trợ cấp của chính phủ từ Ủy ban Giáo dục Đại học (TEC) và cũng có thể được coi là bằng chứng về chất lượng.

Danh sách các chương trình được công nhận của mỗi trường được đăng tại trang web của NZQA.

Hệ thống đảm bảo chất lượng ở New Zealand có sự phân biệt giữa phê duyệt và công nhận khóa học. Khóa học được phê duyệt được hiểu là các chương trình thỏa mãn các tiêu chuẩn và tiêu chí được đề ra, khóa học được công nhận có nghĩa là trường học có đủ điều kiện để tiến hành giảng dạy một khóa học đã được phê duyệt. Một tổ chức cũng

có thể nộp đơn xin phê duyệt một chương trình học tự phát triển và sau đó các trường khác có thể tiến hành giảng dạy chương trình đó. Trong các trường hợp này, khóa học sẽ được phê duyệt cho tổ chức đầu tiên và các trường giảng dạy thực tế sẽ phải nộp đơn xin công nhận khóa học.

Năm 2011, NZQA đã phối hợp với đại diện các cơ quan giáo dục đại học để viết đơn đề xuất Yêu cầu Bảo đảm Chất lượng Giáo dục ra nước ngoài. Đến tháng 9 năm 2012, các Quy tắc Phân phối Chương trình Ra nước ngoài của NZQF 2012 đã được chính thức sử dụng cho việc phân phối các chương trình giáo dục đại học của New Zealand ra nước ngoài (<http://www.nzqa.govt.nz/about-us/our-role/legislation/nzqa-rules/nzqf-related-rules/offshore-programme-delivery-rules-2012/>).

▪ Công ước quốc tế

Năm 2007, New Zealand phê chuẩn Công ước Lisbon.

▪ Phụ lục văn bằng

Gần đây, New Zealand đã phát triển Bản Công bố Trình độ giáo dục đại học (TEQS) tương đương với Phụ lục văn bằng của châu Âu. Tuy nhiên, việc thực thi vẫn còn trong giai đoạn manh nha. NZQA và Bộ Giáo dục đã công bố hướng dẫn về định dạng TEQS. Bản hướng dẫn sử dụng một khuôn mẫu tiêu chuẩn có đủ thông tin về bản chất, cấp độ, bối cảnh, nội dung và tình trạng của chương trình đã hoàn thành. TEQS được trao khi đã hoàn thành trình độ giáo dục đại học, tuy nhiên các trường không bắt buộc phải cung cấp tài liệu này. Tại thời điểm này, một số ít các trường ở New Zealand đã thực thi việc cấp Bản tường thuật TEQS.

▪ Thành phần hồ sơ

Với bậc giáo dục phổ thông, học sinh phải nộp bằng Thành tích học tập cùng với Chứng chỉ Thành tích học tập Quốc gia (NCEA).

Với bậc giáo dục đại học, sinh viên phải nộp kết quả học tập cùng với văn bằng.

Tính xác thực

Nhiều trường đại học có các trang web cho phép tra cứu văn bằng. Ví dụ như [dữ liệu sinh viên tốt nghiệp của Đại học Massey](#) từ năm 1997 cho tới nay.

Đại học Auckland có [danh sách tốt nghiệp](#) bao gồm dữ liệu từ năm 1996.

[Trang tra cứu văn bằng](#) của Đại học Canterbury với dữ liệu từ năm 1980.

Đại học Otago có [danh sách tốt nghiệp](#) hàng năm từ năm 2004.

▪ Danh sách các trường đại học

- [Trang web](#) của Cơ quan Quản lý Văn bằng New Zealand (NZQA) có bản tổng quan về tất cả các Học viện Kỹ thuật và Bách khoa (ITPs).
- [Trang web](#) của Cơ quan Quản lý Văn bằng New Zealand (NZQA) có bản tổng quan về tất cả các trường đại học ở New Zealand, bao gồm các Cơ sở đào tạo tư nhân (PTEs) và các chương trình cung cấp tại đây.
- [Trang web](#) của NZQA với bản tổng quan về tất cả các Cơ sở giáo dục nhà nước (GTEs).
- [Trang web](#) của Ủy ban Giáo dục Đại học, với bản tổng quan về tất cả các ITOs.

▪ Các website hữu ích

www.nzqa.govt.nz/

Trang web của Cơ quan Quản lý Văn bằng New Zealand (NZQA), cơ quan NARIC của New Zealand.

www.nzqa.govt.nz/providers/index.do

Trang web của NZQA, với một bản tổng quan về các chương trình đã được phê duyệt của mỗi trường.

www.nzqa.govt.nz/qualifications-standards/awards/universityentrance/approved-subjects/

Trang web của NZQA với một danh sách các môn học được công nhận.

www.nzqa.govt.nz/studying-in-new-zealand/nzqf/

Trang web của NZQA, bao gồm thông tin về Khung trình độ Quốc gia New Zealand mới (NZQF).

www.nzqa.govt.nz/about-us/our-role/national-educationinformationcentre/tertiary-education-qualification-statement/

Trang web của NZQA với thông tin về Bản Công bố Trình độ Giáo dục Đại học (TEQS). Trang này cũng có Hướng dẫn thực thi TEQS.

[/www.universitiesnz.ac.nz/](http://www.universitiesnz.ac.nz/)

Trang web của Các trường Đại học New Zealand.

www.minedu.govt.nz

Trang web của Bộ Giáo dục New Zealand.